

Thực hiện chủ trương “xã hội hóa” nhằm tăng cường nguồn lực đầu tư cho đào tạo nghề (ĐTĐN), trong những năm qua chúng ta đã áp dụng một số giải pháp khai thác các nguồn vốn ngoài NSNN cho ĐTĐN. Song so với nguồn NSNN đầu tư cho ĐTĐN thì nguồn vốn ngoài NSNN vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ và chưa ổn định trong tổng số các nguồn vốn đầu tư cho ĐTĐN. Vì vậy, trong những năm tới cần phải khai thác triệt để khả năng tiềm tàng đối với các nguồn vốn ngoài NSNN thông qua những giải pháp có tính chất pháp lý, bắt buộc.

Thực trạng nguồn vốn ngoài NSNN đầu tư cho đào tạo nghề

Cùng với việc tăng chi NSNN cho ĐTĐN hàng năm, nguồn vốn ngoài NSNN đầu tư cho ĐTĐN cũng

(bằng khoảng 5,1% tổng mức đầu tư).

- Đóng góp của nhân dân dưới hình thức: học phí, kinh phí đào tạo và các loại phí khác theo quy định. Đối tượng học nghề trong xã hội chủ yếu có thu nhập thấp, mức độ huy động bị giới hạn nên tổng mức đóng góp tăng về số tuyệt đối nhưng tỷ trọng trong tổng số nguồn lực đầu tư cho ĐTĐN có xu hướng giảm dần: giai đoạn 1998 - 2003 (bằng 19% tổng mức đầu tư), năm 2005 đạt 730 tỷ đồng (bằng 18% tổng mức đầu tư).

- Đầu tư nước ngoài bao gồm: viện trợ của Chính phủ; viện trợ phi Chính phủ; đóng góp bằng tiền, hiện vật của cá nhân người nước ngoài, của việt kiều... năm 2005 là gần 365 tỷ đồng (bằng 9% tổng mức đầu tư).

Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho đào tạo nghề ở Việt Nam

THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

TS. Trần Xuân Hải

được tăng lên đáng kể, bao gồm các khoản: học phí, phí, đóng góp xây dựng trường; các khoản do doanh nghiệp đóng góp; các khoản thu từ nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, làm dịch vụ... Năm 2001 là 750 tỷ đồng (chiếm 41,3% tổng số kinh phí đầu tư cho ĐTĐN); Năm 2005 là 1.250 tỷ đồng (chiếm 31,6% tổng số kinh phí đầu tư cho ĐTĐN). Trong đó:

- Đóng góp của các cơ sở ĐTĐN năm 2005 đạt gần 200 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần so với năm 2003

Một số hạn chế và nguyên nhân của nó

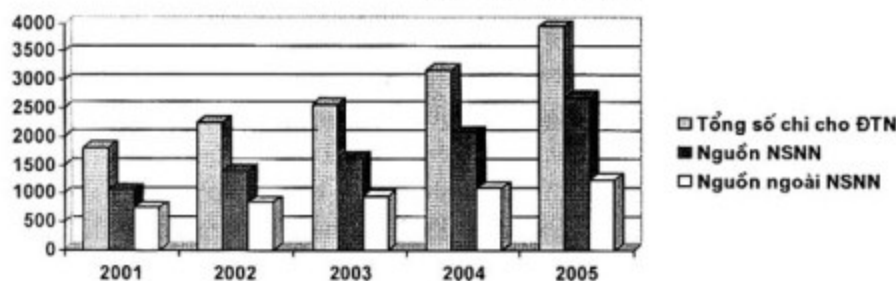
- Các cơ sở ĐTĐN công lập còn mang nặng tính bao cấp, chưa chủ động và tích cực khai thác nguồn kinh phí bổ sung cho đào tạo.

- Người học nghề chủ yếu là đối tượng nghèo nên khả năng đóng góp không cao, mặt khác còn có tư tưởng trọng bằng cấp hiện nay nên ĐTĐN chưa có sức thu hút đối với người học. Khung học phí còn quy định chung cho các nghề mà chưa có quy định thích ứng với đặc điểm của từng nghề hoặc nhóm nghề.

- Chi phí đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề tốn kém, thu hồi vốn chậm nên chưa có sức thu hút đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nguồn đầu tư có tiềm năng rất lớn là từ các doanh nghiệp nhưng hiện nay chưa khai thác được nhiều do chưa

Đầu tư cho đào tạo nghề giai đoạn 2001 - 2005

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Nguồn: Tổng cục Dạy nghề - Bộ LĐTB&XH

có chính sách khuyến khích giữa các doanh nghiệp tham gia ĐTN với các doanh nghiệp không có hoạt động ĐTN, chưa có quy định mang tính bắt buộc đối với các doanh nghiệp sử dụng lao động đã qua đào tạo phải đóng góp nguồn lực cho ĐTN.

- Các cơ sở ĐTN được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP và việc thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập song vẫn chưa thực sự được phân cấp một cách đầy đủ về quản lý, cán bộ và quản lý tài chính... nên chưa khuyến khích việc tích cực tăng thu, tiết kiệm chi để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho ĐTN.

Giải pháp khai thác các nguồn vốn ngoài NSNN đầu tư cho đào tạo nghề

Xuất phát từ thực trạng nguồn vốn ngoài NSNN đầu tư cho ĐTN ở nước ta trong thời gian qua, với xu hướng phát triển và hội nhập của Giáo dục & Đào tạo nói chung và ĐTN nói riêng, theo chúng tôi cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, Phát triển hệ thống ĐTN.

- Xây dựng và quy hoạch mạng lưới cơ sở ĐTN bao gồm các trường trung ương và địa phương, công lập và ngoài công lập, đào tạo trong nước và đào tạo thích hợp với từng vùng, từng bước mở rộng quy mô và đa dạng hoá các loại hình ĐTN ngắn hạn.

- Khuyến khích các tổ chức và cá nhân mở các trường dạy nghề ngoài công lập, đơn giản hoá các thủ tục và cần thông thoáng hơn trong việc xin và cấp giấy phép hoạt động cho các loại hình trường ngoài công lập, nhất là các trường tư thục.

- Từng bước mở rộng hệ thống các trường, lớp dạy nghề tại các doanh nghiệp để đào tạo lao động kỹ thuật cho bản thân doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

Hai là, Huy động sự đóng góp của nhân dân thông qua hình thức thu học phí.

Thu học phí phải đảm bảo tính công bằng, hợp lý nhằm huy động có hiệu quả sự đóng góp của

nhân dân. Vì vậy, quy định mức học phí phải nghiên cứu đầy đủ mức thu nhập của người dân, đảm bảo phù hợp với từng loại trường, từng ngành nghề đào tạo, đồng thời quan tâm đến chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với những người thuộc diện chính sách. Chế độ thu học phí hiện hành cần được bổ sung, sửa đổi, đảm bảo tính công bằng hợp lý, mặt khác cần chuẩn hoá các quy định, đảm bảo thống nhất, ổn định trong một thời gian, thích ứng với đặc



điểm của từng ngành nghề hoặc nhóm nghề. Những nghề cần được ưu tiên phát triển nhưng ít người muốn học cần phải miễn hoặc quy định học phí ở mức thấp. Ngược lại có những nghề mang tính thị hiếu cần phải quy định mức học phí tương xứng với chi phí đào

tạo. Từ đó sẽ tạo điều kiện nhằm huy động có hiệu quả sự đóng góp của nhân dân, khuyến khích học sinh đến trường, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời hỗ trợ cho NSNN trong việc đầu tư cho ĐTN.

Ba là, Huy động nguồn vốn đầu tư từ trong nội bộ các cơ sở ĐTN

Các cơ sở ĐTN tập trung một bộ phận tri thức lớn của cả nước, bao gồm nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề, nhiều trình độ, đa dạng và phong phú, sử dụng một khối lượng không nhỏ những phương tiện kỹ thuật với những trang thiết bị hiện đại, kể cả các loại thiết bị quý hiếm. Từ đó, thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học cho các ngành, các doanh nghiệp, các tổ chức và bằng lao động sản xuất, ngoài phần chi phí cần thiết để thực hiện các công việc của hợp đồng còn có một khoản thu nhập tăng thêm. Việc động viên nguồn đầu tư từ trong nội bộ các cơ sở ĐTN là một khả năng thực tế gắn liền với sự trưởng thành và phát triển của các cơ sở đào tạo trong quá trình tìm tòi phương thức kết hợp: đào tạo - nghiên cứu khoa học - lao động sản xuất bằng nhiều hình thức và biện pháp phù hợp với khả năng và điều kiện cụ thể của từng cơ sở đào tạo. Trong khi khả năng đầu tư của NSNN còn hạn hẹp so với yêu cầu phát triển ĐTN, thì một trong những

phương hướng chiến lược phát triển sự nghiệp này là các cơ sở ĐTN phải tranh thủ mọi nguồn vốn đầu tư do nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật và lao động sản xuất mang lại để tự lực giải quyết một phần khó khăn về cơ sở vật chất, đời sống cán bộ, học sinh và nâng cao chất lượng đào tạo.

Bốn là, Hoạt động ĐTN trong một phạm vi nhất định cũng đang được coi là một lĩnh vực của ngành kinh tế - "kinh tế tri thức", các sản phẩm của lĩnh vực này tạo ra được thể hiện bằng các văn bằng ở mỗi bậc học khác nhau. Vì vậy, đều phải được "mua - bán" như các sản phẩm hàng hoá thông thường khác, cơ quan sử dụng người lao động có các văn bằng trên phải nộp vào NSNN một khoản tiền nhất định (đối với từng loại văn bằng).

Chúng ta biết rằng: nếu như các tổ chức, cá nhân tuyển dụng lao động đã qua đào tạo không tham gia đóng góp một phần chi phí cho hoạt động này thì về mặt kinh tế, họ cũng ít quan tâm đến việc sử dụng hợp lý lao động đã được đào tạo. Từ đó, tất yếu sẽ dẫn đến ý muốn có được một số lao động đã qua đào tạo vượt quá nhu cầu thực tế. Còn nếu lao động được đào tạo trong điều kiện sử dụng một phần đóng góp kinh phí của các tổ chức, cá nhân tuyển dụng lao động thì vừa có ý nghĩa hỗ trợ kinh phí cho NSNN, vừa gắn với yêu cầu sử dụng lao động đã qua đào tạo một cách hợp lý và có hiệu quả của các tổ chức, cá nhân tuyển dụng lao động.

Việc các tổ chức, cá nhân tuyển dụng lao động đóng góp một phần kinh phí đào tạo cho phép xây dựng mối quan hệ giữa nơi tuyển dụng, học sinh và các cơ sở ĐTN. Như vậy các tổ chức, cá nhân này có thể đưa ra những đơn đặt hàng về số lượng nhất định lao động đã được đào tạo, đồng thời đóng góp kinh phí theo sự tính toán đầy đủ giá trị đào tạo một lao động tại các cơ sở ĐTN. Điều đó, trước hết sẽ giảm bớt những khoản chi phí vào việc đào tạo không phù hợp với yêu cầu và tạo khả năng sử dụng hợp lý hơn người lao động đã qua đào tạo. Mặt khác, gắn khâu tuyển sinh của các cơ sở ĐTN với việc sử dụng học sinh tốt nghiệp ra trường.

Năm là, Khuyến khích sự đóng góp, tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong nước đầu tư phát triển ĐTN.

Trong những năm vừa qua đã có nhiều tổ chức kinh tế - xã hội, cá nhân trong nước thành lập các Quỹ hỗ trợ tài năng, nhằm cấp học bổng cho học

sinh - sinh viên đang theo học ở các trường như: Quỹ hỗ trợ tài năng trẻ, Quỹ học bổng Nguyễn Thái Bình, Quỹ học bổng của Hội sinh viên, Quỹ học bổng của các trường... Với mục đích khuyến khích học sinh - sinh viên học giỏi, nghiên cứu khoa học, khuyến khích sinh viên nghèo vượt khó... Trong những năm tới, cần có các giải pháp nhằm khuyến khích các tổ chức kinh tế - xã hội trong nước tài trợ (bằng giá trị và bằng hiện vật) cho ĐTN thông qua các dự án đầu tư cho các trường nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Sáu là, Huy động và mở rộng hơn nữa các nguồn vốn đầu tư của nước ngoài dưới dạng viện trợ, hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học thông qua các dự án, tranh thủ sự giúp đỡ, viện trợ không hoàn lại của các cơ sở đào tạo, các tổ chức quốc tế, việt kiều ở nước ngoài... Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ĐTN trong nước thực hiện việc liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để cùng đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Với mục đích vừa nâng cao chất lượng đào tạo, vừa có thêm nguồn vốn đầu tư trở lại cho ĐTN, nghiên cứu khoa học và nâng cao đời sống cán bộ, giáo viên trong các cơ sở ĐTN. Đồng thời, tạo điều kiện cho các cơ sở ĐTN chủ động vay vốn của các tổ chức quốc tế và Chính phủ các nước nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu đầu tư ngày càng tăng cho ĐTN.

Ngoài ra, Nhà nước cần tăng cường công tác quản lý ở tầm vĩ mô, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định về tiêu chuẩn điều kiện thành lập các cơ sở ĐTN; Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở ĐTN trong việc thực hiện các quy định về đào tạo nói chung và quản lý tài chính nói riêng. Thực hiện quản lý thống nhất thu chi tài chính đối với tất cả các cơ sở ĐTN dù là trường công lập hay ngoài công lập gắn với khối lượng, chất lượng công việc, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và có hiệu quả./.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ LĐ-TB&XH (2004), *Đề án quy hoạch phát triển XHH dạy nghề đến năm 2005 và 2010*, Hà Nội.
- Bộ LĐ-TB&XH - Tổng cục Dạy nghề (2005), *Kế hoạch dạy nghề giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội.
- www.edu.net/trunghocchuyennghiep.
- www.info.vn/tongcucdaynghe
- www.vieclam-vn.com.